



## QUÁI VẬT ĐẢO JEKYLL (CH. 16): NHỮNG NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG ĐẦU TIÊN CỦA MỸ

**Nguồn:** G. Edward Griffin, "The Creature Comes to America", in G.E. Griffin, *The Creature from Jekyll Island: A Second Look at the Federal Reserve* (5th Edition) (California: American Media, 2010), Chapter 16.

**Biên dịch:** Nông Hải Âu | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

**Nội dung chính:** Câu chuyện về Ngân hàng Bắc Mỹ (Bank of North America), ngân hàng trung ương đầu tiên của nước Mỹ vốn được thành lập thậm chí trước khi Hiến pháp được soạn thảo, và câu chuyện về Ngân hàng Đệ Nhất Hoa Kỳ (First Bank of the United States), ngân hàng trung ương thứ hai vốn ra đời năm 1791; cuộc lạm phát nặng nề do hai ngân hàng này gây nên, và lý do chúng chấm dứt hoạt động.

Thật đáng ngạc nhiên rằng ngân hàng nhà nước đầu tiên của Hoa Kỳ ra đời trước khi Hiến pháp được soạn thảo. Ngân hàng này được Quốc Hội Lục Địa cho ra điều lệ trong kỳ họp Mùa xuân năm 1791 và đi vào hoạt động một năm sau đó. Tại thời điểm đó, nhiều người hy vọng Canada sẽ sớm tham gia cuộc nổi dậy của các thuộc địa để thành lập một liên minh thống nhất trên toàn Bắc Mỹ. Với dự đoán này, thể chế tài chính mới ra đời được mang tên Ngân Hàng Bắc Mỹ.

Ngân hàng được tổ chức bởi Robert Morris, thành viên Quốc Hội, đồng thời là lãnh tụ của một nhóm các chính khách và thương nhân mong quốc gia mới sẽ bắt chước chủ nghĩa trọng thương của Anh. Họ muốn đánh thuế cao để trang trải cho một chính phủ quyền lực, tập trung hóa, thuế suất nhập khẩu cao để trợ cấp cho nền công nghiệp nội địa, một lực lượng lục quân và hải quân lớn cũng như việc

giành giạt các tiền đồn thuộc địa để mở rộng lãnh thổ và thị trường nước ngoài. Robert Morris vốn là một thương nhân Philadelphia giàu có, đã hưởng lợi rất nhiều từ các hợp đồng chiến tranh trong cuộc Cách mạng. Ông đã nghiên cứu kỹ lưỡng môn khoa học bí mật của đồng tiền, đến năm 1781, ông được gọi là “Phù thủy tài chính” của Quốc hội.

Ngân hàng Bắc Mỹ được tổ chức theo mô hình giống Ngân hàng Anh, hoạt động theo hệ thống dự trữ theo tỉ lệ (fractional reserve), và được phép phát hành tín phiếu (Promissory Notes) dựa trên các tín dụng thực có. Tuy nhiên do phải dự trữ bắt buộc vàng và bạc trong kho, rõ ràng quá trình phát hành tín phiếu không thể tiến được xa do ngân hàng phải hoạt động dưới nhiều hạn chế. Người dân không buộc phải chấp nhận ngân phiếu (bank notes) như một hình thức thanh toán hợp pháp cho nợ công và nợ tư, tuy nhiên Chính phủ chấp nhận thanh toán các khoản thuế và nghĩa vụ khác bằng ngân phiếu theo mệnh giá của chúng, biến chúng trở thành công cụ dự trữ tương đương vàng. Thêm nữa, khác với các ngân hàng nhà nước hiện nay, Ngân hàng Bắc Mỹ không được trao quyền trực tiếp phát hành tiền cho quốc gia.

### **Đóng vai trò ngân hàng trung ương**

Mặt khác, Ngân hàng Bắc Mỹ được cho phép độc quyền trong lĩnh vực ngân hàng, bởi không một ngân hàng nào được phép phát hành ngân phiếu cạnh tranh. Điều này cùng với thực tế là ngân phiếu được chấp nhận với mệnh giá của chúng trong thanh toán các khoản thuế của bang và liên bang, và việc Chính phủ liên bang không có một đồng tiền đúng nghĩa, khiến cho các ngân phiếu này trở thành phương tiện trao đổi lưu hành hấp dẫn hơn. Mục tiêu ban đầu là khiến cho các giấy bạc này được chấp nhận như tiền, và trong một khoảng thời gian ngắn, mục tiêu trên đã đạt được. Thêm vào đó, Ngân hàng còn trở thành nơi ký gửi chính thức cho tất cả các khoản ngân quỹ của liên bang và hầu như ngay lập tức đã cho Chính phủ vay 1,2 triệu Đô-la mà trong đó phần lớn số tiền này được tạo ra từ con số không. Vì vậy, mặc cho ngân hàng vẫn phải hoạt động dưới nhiều giới hạn và bản chất chỉ là một thể chế tư nhân, nó lại hoạt động theo ý định và trên tế như một ngân hàng nhà nước.

Ngân hàng Bắc Mỹ đã có những dấu hiệu gian lận ngay từ đầu. Điều lệ quy định rằng các nhà đầu tư tư nhân phải đóng góp 400.000 Đô la vốn ban đầu. Khi không đủ khả năng huy động được số tiền này, Morris đã dùng ảnh hưởng chính trị của mình để bù đắp các khoản còn thiếu từ ngân quỹ của Chính phủ. Trong một hành động tham ô được hợp pháp hóa, Morris lấy số vàng Pháp cho Mỹ vay gửi vào

ngân hàng này. Sau đó, sử dụng số vàng này làm cơ sở dự trữ theo tỉ lệ, ông ta đã tạo đủ số tiền cần thiết làm vốn đăng ký rồi cho chính mình và cộng sự vay. Đây chính là sức mạnh của thứ gọi là khoa học bí mật.

Thật khó để lý giải tại sao chính những con người sáng suốt đã đưa những kiểm soát tiền tệ đúng đắn vào Hiến pháp một vài năm sau lại có thể cho phép ngân hàng này tồn tại. Tuy nhiên vẫn phải nhớ rằng, chiến tranh lúc đó vẫn đang tiếp diễn và khi điều lệ ngân hàng được ban hành, ngay cả những chính khách khôn ngoan nhất cũng buộc phải đồng tình với những gì được coi là thích hợp vào thời điểm đó. Người ta hoàn toàn có thể kết luận rằng, những người cha lập quốc có thể đã nắm rõ được bản chất của tiền định danh (fiat money) được tạo ra từ các cỗ máy in của chính phủ, tuy nhiên lại chưa có nhiều kinh nghiệm chuyên sâu về cơ chế phức tạp ẩn sau hệ thống ngân hàng dự trữ theo tỉ lệ.

Tuy nhiên, ngân hàng không được Quốc hội gia hạn điều lệ và đã không tồn tại được sau khi cuộc chiến kết thúc. Murray Rothbard giải thích nguyên nhân chấm dứt hoạt động của nó như sau:

Mặc dù Ngân hàng Bắc Mỹ được hưởng độc quyền và các ngân phiếu trên danh nghĩa có thể được hoàn lại *bằng kim bản* (tiền vàng, bạc), sự thiếu tin tưởng của thị trường đã khiến ngân phiếu khổng lồ này bị mất giá. Ngân hàng đã cố gắng củng cố giá trị cho các ngân phiếu bằng cách thuê người thuyết phục những người bán lại ngân phiếu chấp nhận các hình thức thanh toán khác ngoài kim bản - một động thái được tính toán chưa thấu đáo nhằm củng cố lòng tin dài hạn đối với ngân hàng.

Sau một năm hoạt động, khi ảnh hưởng chính trị đã suy giảm nhiều, Morris đã nhanh chóng chuyển đổi Ngân hàng Bắc Mỹ từ một ngân hàng trung ương thành một ngân hàng thương mại thuần túy được bang Pennsylvania cấp phép. Đến cuối năm 1783,... cuộc thử nghiệm đầu tiên của Hoa Kỳ với ngân hàng nhà nước đã kết thúc.

Hai trăm năm sau đó, một phần kết phù hợp với câu chuyện này mới được viết khi vào năm 1980, Ngân hàng First Pennsylvania Bank of Philadelphia, "ngân hàng lâu đời nhất tại Mỹ", được giải cứu bởi FDIC.

## **Lách qua quy định của Hiến pháp**

Cần phải nhớ rằng, sau khi Ngân hàng Bắc Mỹ bị chấm dứt hoạt động và Hội nghị Lập Hiến "đóng cửa với tiền giấy", thì Hoa Kỳ lại tận hưởng một thời kỳ thịnh vượng và kinh tế phát triển chưa từng thấy. Tuy nhiên, trong khi cửa chính đóng thì cửa

sổ vẫn bỏ ngỏ. Quyền *in* tiền của Quốc hội bị bác bỏ, nhưng quyền *vay* tiền thì không.

Trong vốn từ vựng của người bình thường, vay là vay một tài sản đã tồn tại từ trước. Vì vậy ở đây, họ sẽ không hiểu tại sao ngân hàng phát hành tiền không dựa trên một tài sản nào, rồi đem tiền đó cho vay. Về hình thức là ngân hàng cho vay, nhưng thực tế là họ “tạo ra” tiền.

Sau đó, cũng như bây giờ, những bí ẩn trong từ vựng của ngành ngân hàng không được hé lộ với những người bình thường, vì thế thật khó để hiểu làm thế nào ngân phiếu được phát hành bởi tư nhân có thể được dùng với cùng một mục đích như của tiền in - và gây nên cùng những kết cục thảm họa. Thực tế, các chuyên gia tiền tệ và chính khách đã quyết định lách Hiến pháp. Kế hoạch của họ là lập một ngân hàng và trao cho ngân hàng đó quyền in tiền, và dùng hầu hết tiền cho Chính phủ *vay*, đồng thời đảm bảo giấy ghi nợ (IOU) được người dân chấp nhận là tiền. Vì thế ngân hàng chứ không phải Quốc hội sẽ có quyền phát hành tín phiếu.

Kết quả là Ngân hàng Đệ nhất Hoa Kỳ (First Bank of the United States) được hình thành.

Năm 1790, đề xuất được Alexander Hamilton, lúc đó là Bộ trưởng Tài Chính, trình lên Quốc hội. Hamilton tình cờ lại là cựu trợ lý của Robert Morris, cha đẻ của Ngân hàng Bắc Mỹ, vì vậy vai trò của ông trong vấn đề này không có gì đáng ngạc nhiên. Điều đáng ngạc nhiên là trong Hội nghị lập hiến, Hamilton đã luôn kiên quyết ủng hộ việc có một đồng tiền đúng nghĩa. Điều này thật khó lý giải, và người ta ngờ rằng, một người ban đầu dù có ý định tốt đến đâu cũng có thể bị cám dỗ bởi tiền và quyền lực. Có lẽ Hamilton, Morris, và các lãnh đạo Liên bang khác đã mong muốn Chính phủ không tham gia vào hoạt động in tiền, không phải vì điều này được quy định trong Hiến pháp, mà bởi điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho một cơ chế ngân hàng nhà nước - vốn xa tầm ngắm của công luận và ngoài tầm với của các kiểm soát chính trị - sẽ trở thành một công cụ kiếm lời của riêng họ. Có vẻ như chỉ có một cách lý giải khác là họ là những người hay thay đổi quan điểm và đã không thực sự hiểu ý nghĩa của những hành động của bản thân. Tuy nhiên, sự kiệt xuất của họ trong tất cả những vấn đề khác thật khiến người ta khó lòng kết luận như vậy.

## **Xung đột Hamilton – Jefferson**

Đề xuất của Hamilton đã bị Ngoại trưởng Thomas Jefferson kịch liệt phản đối, và đây là sự khởi đầu của cuộc tranh luận gay gắt khiến Quốc hội phải lo ngại trong

nhều thập kỷ sau đó. Sự thật là, đó là một trong những vấn đề mấu chốt dẫn đến sự thành lập của các Đảng chính trị đầu tiên của nước Mỹ. Nhóm *Federalist*, hay những người ủng hộ thành lập liên bang, theo tư tưởng của Hamilton. Trong khi, nhóm *anti-Federalist*, những người chống thuyết liên bang, sau này được gọi là Đảng cộng hòa, lại bị thu hút bởi tư tưởng của Jefferson.

Jefferson chỉ ra rằng, Hiến pháp không ban quyền thành lập ngân hàng hay các quyền tương tự cho Quốc hội. Điều này đồng nghĩa với việc quyền này thuộc về các tiểu bang hoặc người dân. Khi bác bỏ đề xuất của Hamilton, ông nói: "Chỉ cần để Quốc hội bước một bước ra khỏi giới hạn quyền lực được quy định trong Hiến pháp thôi, Quốc hội sẽ đạt quyền lực không giới hạn". Hơn nữa, ông cũng nói thêm, thậm chí nếu Hiến pháp ban quyền này cho Quốc hội đi nữa, thì đây cũng là một hành động không khôn ngoan chút nào, bởi việc cho phép các ngân hàng tạo ra tiền sẽ chỉ hủy hoại quốc gia.

Trái lại, Hamilton lập luận rằng, nợ là điều tốt nếu giữ ở mức hợp lý, bởi đất nước đang cần nhiều tiền hơn trong lưu thông để theo kịp với nền thương mại đang được mở rộng. Ông nói, chỉ có Ngân hàng mới có thể làm được điều đó. Thêm nữa, trong khi đúng là Hiến pháp không *định rõ* quyền thành lập ngân hàng (của Quốc hội), tuy nhiên nỗ lực *ngụ ý* về quyền này, vì quyền này là cần thiết để Quốc hội hoàn thành các chức năng *khác* được định trong Hiến pháp.

Đây là mảnh khóc bao che cho sự vi phạm Hiến pháp.

Sự phân cực trong hai tư tưởng trái ngược hình thành:

JEFFERSON: "Một ngân hàng trung ương tư nhân phát hành tiền cho công chúng là một mối đe dọa đến tự do của người dân lớn hơn cả một quân đội thường trực." "Chúng ta không được để các vị lãnh đạo chất lên vai ta những khoản nợ vĩnh viễn."

HAMILTON: "Không một xã hội nào có thể thành công mà không kết hợp được lợi ích và tiền của những người giàu có với chính phủ của họ". "Một khoản nợ quốc gia, nếu không quá nhiều, sẽ là một điều tốt đẹp đối với chúng ta".

## **Ngân hàng trung ương thứ hai của Hoa Kỳ được thành lập**

Sau một năm tranh cãi căng thẳng, quan điểm của Hamilton thắng thế. Năm 1791, Quốc hội cho phép Ngân hàng Hoa Kỳ (Bank of the United States) thành lập và hoạt động trong 20 năm. Ngân hàng này hoạt động theo mô hình của Ngân hàng Anh, có nghĩa là Ngân hàng này là bản sao của Ngân hàng Bắc Mỹ trước đây. Thực

tế, như một bằng chứng cho sự tiếp nối với quá khứ, chủ tịch ngân hàng mới là Thomas Willing, đối tác của Robert Morris, chủ tịch ngân hàng cũ.

Cũng như trước đó, ngân hàng mới được phép độc quyền phát hành ngân phiếu. Một lần nữa, người dân không bị ép phải chấp nhận ngân phiếu như một phương tiện thanh toán hợp pháp cho các khoản nợ và các hợp đồng, nhưng chúng lại được Chính phủ chấp nhận trong việc thanh toán các khoản thuế và nghĩa vụ khác theo mệnh giá của chúng, khiến chúng trở nên hấp dẫn trong vai trò của một đồng tiền chung. Và một lần nữa, ngân hàng cũng trở thành nơi ký gửi chính thức cho các khoản ngân quỹ của Chính phủ.

Giấy phép cũng nêu rõ, ngân hàng tại mọi thời điểm được yêu cầu phải tiếp nhận các ngân phiếu và trả lại bằng tiền vàng hoặc bạc theo yêu cầu của người giữ ngân phiếu. Đó là một quy định đáng ngưỡng mộ. Tuy nhiên, do ngân hàng không bị buộc phải dự trữ số vàng bạc có giá trị tương đương với mệnh giá ngân phiếu phát hành, nên về mặt toán học, điều này không thể đạt được.

Tương tự như Ngân hàng Bắc Mỹ, 80% vốn của Ngân hàng Hoa Kỳ do các nhà đầu tư tư nhân đóng góp, Chính phủ Liên bang chỉ góp 20% vốn. Đây đơn thuần là một mẹo làm sổ sách kế toán, bởi mọi thứ đã được sắp xếp trước để ngân hàng ngay sau đó sẽ cho Chính phủ Liên bang vay lại đúng số tiền này. Điều này gợi cho chúng ta nhớ về kịch bản huy động vốn cho Ngân hàng Bắc Mỹ của Morris, sự "đầu tư" này của Chính phủ về bản chất là một phương tiện để bù lấp những khoản vốn còn thiếu của các nhà đầu tư tư nhân. Jefferson nói, "Hãy gọi nó theo cách mà các ông muốn", đó không phải là một khoản nợ hay một vụ đầu tư mà chính xác là một món quà. Và hiển nhiên là ông đúng. Ngân hàng không thể đi vào hoạt động với số vốn chỉ ít hơn 9% số vốn được yêu cầu trong giấy phép. Tổng số vốn yêu cầu là 10 triệu đô la, điều này đồng nghĩa với việc 8 triệu đô la sẽ được góp bởi các cổ đông tư nhân. Tuy nhiên, John Kenneth Galbraith mỉa mai nhận định rằng: "Các nhà đầu tư tằn tiện chỉ đóng những khoản đặt cọc khiên tốn, và Ngân hàng đi vào hoạt động với số tiền vè vện 675.000 đô la tiền thực."

## Con quái vật đến từ châu Âu

Vậy những nhà đầu tư tư nhân ở đây là ai? Tên của họ không xuất hiện trên một tài liệu in ấn nào, tuy nhiên chúng ta có thể chắc chắn họ bao gồm các nghị sĩ, thượng nghị sĩ - và các cộng sự của họ - những người đã thảo ra điều lệ cho ngân hàng. Tuy nhiên trong một cuốn sách của Galbraith có một phần gợi ý đến một thành phần khác của nhóm này. Trong trang 72 cuốn *Money: Whence It Came*,



*Where It Went (Tiền: Từ đâu đến, và Đi về đâu)*, ông viết "Những nhà đầu tư nước ngoài có thể sở hữu cổ phiếu, nhưng không có quyền bỏ phiếu."

Câu chuyện phía sau câu nói vô thường vô phạt này là gì? Sự thật rõ ràng là thời bấy giờ triều đại ngân hàng Rothschild ở châu Âu là lực lượng áp đảo, trong cả lĩnh vực tài chính và chính trị, trong sự thành lập của Ngân hàng Hoa Kỳ. Nhà chép tiểu sử Derek Wilson giải thích:

Kể từ khi N.M. [Rothschild], ông chủ dệt may ở Manchester, mua bông từ các bang miền Nam, Rothschild đã phát triển những cam kết khăng khít với nước Mỹ. Nathan... đã cho nhiều bang vay tiền, và trong một thời gian đã là ngân hàng chính thức của chính phủ Mỹ, cam kết hỗ trợ Ngân hàng Hoa Kỳ.

Gustavus Myers, trong cuốn *History of the Great American Fortunes (Lịch sử tài sản khổng lồ của nước Mỹ)*, đã chỉ ra rõ hơn. Ông nói:

Đứng phía sau, nhà Rothschilds đã có ảnh hưởng từ lâu đời với việc thi hành luật tài chính ở Mỹ. Các hồ sơ pháp luật cho thấy rằng họ là những người nắm quyền lực trong Ngân hàng Hoa Kỳ trước đây.

Do đó, nhà Rothschild không chỉ đơn thuần là các nhà đầu tư cũng không chỉ là một thế lực quan trọng. Họ là những người nắm toàn bộ quyền lực phía sau Ngân hàng Hoa Kỳ! Tầm quan trọng của sức mạnh Rothschild lên tài chính và chính trị Mỹ đã được bàn kỹ ở phần trước, do đó không cần phải nhắc lại ở đây. Điều quan trọng ở đây là phải biết rằng con quái vật từ đảo Jekyll là hậu duệ của một loài không có nguồn gốc ở đảo này.

## Lạm phát tái diễn

Ngay từ đầu, mục đích chính của Ngân hàng là tạo ra tiền cho chính phủ liên bang. Tiền cho khu vực tư nhân buộc phải là (nhiệm vụ) thứ cấp. Điều này là rõ ràng bởi thực tế lãi suất tối đa được cho phép là 6%. Điều này cũng khiến cho ngân hàng không thể cho ai khác vay ngoài Chính phủ, và một số khách hàng lớn. Và chính phủ đã không lãng phí thời gian trong việc đưa cơ chế ngân hàng trung ương mới của mình vào hoạt động. Số vốn "đầu tư" khởi điểm là 2 triệu đô la, năm năm sau số tiền đó được chuyển đổi thành khoản cho vay 8,2 triệu đô. Vậy là 6,2 triệu đô đã được tạo ra cho chính phủ sử dụng.

Bất kỳ ai có hiểu biết về lịch sử của tiền tệ như đã nêu ở các chương trước đều có thể dễ dàng viết tiếp phần sau đây.

Việc tạo ra hàng triệu đô la dựa trên dự trữ theo tỉ lệ mới - số tiền mà chính phủ đẩy vào nền kinh tế thông qua các chương trình chi tiêu - gây ra sự mất cân

bằng giữa cung tiền và cung hàng hóa và dịch vụ. Giá có xu hướng tăng khi giá trị tương đối của đồng đô la đi xuống. Trong cùng khoảng thời gian năm năm, giá bán buôn tăng 72%, điều này có nghĩa rằng 72% của mọi thứ người ta đã tiết kiệm dưới các hình thức tiền đã lặng lẽ bị tịch thu bởi chính phủ thông qua thứ thuế vô hình là lạm phát.

Hiệu ứng lạm phát tương tự như đã từng phá hoại các thuộc địa, giờ trở lại và gây tai ương cho thế hệ mới. Lần này, lạm phát không phải do tiền in mà do tiền được tạo ra từ dự trữ theo tỉ lệ. Bánh răng liên kết hai cơ chế với nhau và làm cho chúng có chức năng giống nhau chính là nợ (hay trái phiếu) liên bang. Chính nợ liên bang cho phép các nhà chính trị và tiền tệ vi phạm các mục đích của những người cha lập quốc, và chính khoản nợ này đã thúc đẩy Jefferson phải thốt lên:

Tôi ước có thể đạt được một sự sửa đổi duy nhất trong Hiến pháp thời. Tôi sẽ sẵn sàng dựa vào điều duy nhất đó để giảm sự quản lý của chính phủ xuống cho phù hợp với các nguyên tắc chung của Hiến pháp, tôi muốn nói đến một điều khoản bổ sung, đó là tước quyền đi vay của chính phủ liên bang.

Ngân hàng Hoa Kỳ là một sự kết hợp của cái tốt với cái xấu. Chắc chắn nó không hoàn toàn xấu. Trong thời kỳ thuộc địa, chính quyền các bang in tiền giấy vô tội vạ, và sự suy giảm sức mua, trong nhiều trường hợp, là gần như 100%. Tuy nhiên, Ngân hàng Hoa Kỳ đã được yêu cầu duy trì một số vàng và các loại kim bản khác làm nền tảng cho kim tự tháp tiền của nó. Mặc dù nó là một kim tự tháp ngược với dự trữ nhỏ hơn so với số lượng tiền giấy, nó vẫn đại diện cho một ranh giới đối với số cung tiền có thể được mở rộng. Và điều này là tốt.

Hơn nữa, rõ ràng là các giám đốc của ngân hàng có lợi ích tự thân nhất định khi muốn duy trì việc tạo tiền mới dưới một vài hình thức kiểm soát nào đó. Họ chỉ có thể thu lợi từ cơ chế ngân hàng trung ương chừng nào nền kinh tế nói chung đủ hiệu quả để hỗ trợ Ngân hàng. Họ không muốn giết con ngỗng đẻ trứng vàng đó. Vì vậy, giống như đối tác của họ trong hệ thống Dự trữ Liên bang hiện đại của Mỹ ngày nay, họ nói về sự kiềm chế, và trong một vài trường hợp, thậm chí hành động với sự kiềm chế nhất định.

## **Các "ngân hàng hoang dã"**

Ví dụ, chính trong thời kỳ này các "ngân hàng hoang dã" (wildcat banks) đã nở rộ. Chúng có tên như vậy không phải vì các ngân hàng này không được chuẩn hóa - mặc dù đó cũng là lý do hợp lý để chúng được gọi như vậy- mà bởi vì chúng nằm ở



các khu vực xa xôi ở biên giới, đến mức người ta nói rằng khách hàng duy nhất của chúng là những con mèo rừng.

“Ngân hàng hoang dã” không phải được chú ý tới vì lý do sổ sách kế toán tỉ mỉ hay hoạt động kinh doanh chính chu của họ. Như tất cả các ngân hàng tại thời điểm đó, họ được yêu cầu giữ một phần nhất định các khoản tiền gửi của khách hàng dưới dạng xu vàng hay bạc. Để tạo niềm tin với công chúng về lòng trung thành của họ đối với nghĩa vụ này, trong giờ làm việc họ thực hiện một thông lệ là để ngỏ cửa kho tiền, từ đó một hoặc hai thùng tiền vàng có thể được nhìn thấy—thông lệ này cũng tương tự như tổ chức tài chính ngày nay khi họ quảng cáo tài sản nhiều tỷ mà họ nắm giữ nhưng không bao giờ đề cập đến kích thước những khoản nợ của họ. Các ngân hàng này, tất nhiên, không ngại phô ra một chút tiền vàng và điều này làm yên lòng khách hàng của họ. Trong một số trường hợp, ví như thanh tra nhà nước đến từng ngân hàng để kiểm tra lượng dự trữ, thì vàng sẽ chỉ được chuyển đến một vài phút trước đó, và số vàng này được chuyển vội vã từ kho tiền của ngân hàng khác vốn vừa được kiểm toán trước đó.

Điều mấu chốt là Ngân hàng Hoa Kỳ đã có thể đặt các hạn chế đáng kể lên hoạt động của tất cả các ngân hàng, dù ở vùng quê hay ở đô thị. Điều này được thực hiện đơn giản bằng cách từ chối các ngân phiếu của bất kỳ ngân hàng nào không có uy tín tốt về việc mua lại các ngân phiếu của họ bằng tiền vàng. Và người dân cũng hành động tương tự. Nếu tín phiếu của ngân hàng nào không được Ngân hàng Hoa Kỳ chấp nhận, họ cũng sẽ không chấp nhận. Đây là động lực điều tiết gián tiếp tác động lên tất cả các ngân hàng đương thời. Và điều này cũng tốt.

Một số sử gia cho rằng Ngân hàng Hoa Kỳ là một lực lượng tích cực trên một phương diện khác. Ví dụ, Galbraith, đã thán phục viết:

Thi thoảng, Ngân hàng Hoa Kỳ đến hỗ trợ các ngân hàng tiểu bang khi các ngân hàng này bị bao vây bởi chủ tín phiếu hoặc các chủ nợ khác. Bên cạnh việc thực thi các hạn chế, nó cũng đóng vai trò người cho vay cuối cùng (cho các ngân hàng thương mại vay, đây là một nhiệm vụ của ngân hàng trung ương - ND). Vì vậy, trong vòng đời ngắn ngủi của mình nó đã tiến đủ xa để nhận diện và phát triển các chức năng quản lý cơ bản của một ngân hàng trung ương.

Một người ít hứng thú với ý tưởng về một ngân hàng trung ương sẽ muốn đặt câu hỏi: Nếu các ngân hàng tiểu bang đã rất "tốt", tại sao họ cần giúp đỡ trong việc giữ niềm tin với người gửi tiền? Ngày nay, toàn bộ ý tưởng về "kẻ cho vay cuối cùng", vốn được chấp nhận như là một tín điều thiêng liêng, đều dựa trên giả định rằng việc toàn bộ hệ thống ngân hàng gian lận là chấp nhận được. Người ta cho rằng

bất kỳ ngân hàng hoặc nhóm ngân hàng nào cũng có thể "bị bao vây bởi chủ tín phiếu hoặc các chủ nợ khác" vào bất kỳ thời điểm nào. Vì vậy, việc có một ngân hàng trung ương là khôn ngoan, để lấy những khoản dự trữ ít ỏi có trong hệ thống và nhanh chóng chuyển từ ngân hàng này sang ngân hàng khác, vài phút trước khi thanh tra đến, hoặc nếu không là trước khi khách hàng đến.

Dù có nhiều điều đã được bàn về những hạn chế được áp lên các ngân hàng khác, nhưng không phải là vô lý khi nghĩ rằng hiệu ứng này sẽ tự phát triển ngay cả khi không có sự hiện diện của ngân hàng nhà nước. Nếu thị trường được hoạt động tự do, chắc chắn rằng, chẳng bao lâu, một hay nhiều ngân hàng sẽ đạt được một danh tiếng xứng đáng do sự trung thực và giành được uy tín từ người gửi tiền. Họ sẽ trở thành các ngân hàng được tin cậy nhất và những người giàu có nhất. Tuy nhiên, để thực hiện điều này, họ sẽ phải từ chối các tín phiếu vô giá trị của các ngân hàng khác. Công chúng sẽ phản ứng như chúng ta đã biết, và thậm chí các ngân hàng vô đạo đức nhất sẽ phải tuân theo luật nếu họ muốn tồn tại. Một thị trường mở, cạnh tranh tự do sẽ tạo ra một sự điều tiết trên toàn bộ hệ thống ngân hàng. Cho rằng chỉ có một ngân hàng trung ương được liên bang thành lập mới có thể điều tiết được hệ thống tiền tệ là tin rằng chỉ có các chính trị gia, quan chức và các cơ quan của chính phủ mới có thể làm việc theo đạo đức, một khái niệm không hề chắc chắn.

### **Một công cụ của chế độ tài phiệt**

Trong mọi trường hợp, không thể phủ nhận thực tế Ngân hàng Hoa Kỳ đã làm chậm lại tốc độ tăng trưởng quá nhanh của các ngân hàng tư nhân trong nước. Mọi thứ đã có thể là tồi tệ hơn. Các hoạt động của các ngân hàng khác có thể đã khiến tình trạng lạm phát mà Ngân hàng Hoa Kỳ gây ra trở nên tồi tệ hơn. Tuy vậy, không tồi hơn không có nghĩa là tốt đẹp. Chính nó là công cụ được dùng để cướp đi 42% tổng số tiền người Mỹ đã kiếm được hoặc sở hữu trong năm năm đó. Cũng cần nhớ rằng, sự tịch thu tài sản này là có chọn lọc. Nó không động đến những người giàu có, các chính khách và các chuyên gia tiền tệ, những người đã kiếm được bội tiền từ ngân hàng này. Ngân hàng đã thực hiện chính xác những chủ trương của Hamilton: "... kết hợp lợi ích và tín dụng của các cá nhân giàu có với nhà nước".

Sự phát triển của chế độ tài phiệt này đã được Gouverneur Morris, cựu đại biểu của New York, người có nhiều đóng góp cho việc hoàn thiện dự thảo Hiến pháp, mô tả rất chi tiết. Ông từng là trợ lý cho Robert Morris (họ không có quan hệ

huyết thống) và là người ủng hộ khái niệm “tầng lớp quý tộc tự nhiên”. Vì vậy, ông biết rõ chủ đề của mình khi ông cảnh báo:

Những người giàu có sẽ cố gắng để thiết lập quyền thống trị của họ và biến số còn lại thành nô lệ. Họ luôn làm như vậy. Nếu chúng ta không giữ họ trong phạm vi hợp lý, họ sẽ tiếp tục làm như vậy. Ta nên nhớ rằng hành động của con người không chỉ bắt nguồn từ một nguyên nhân. Những người này bằng niềm đam mê với sự giàu của họ sẽ biến những công cụ tài chính này thành vũ khí đàn áp của mình. Kết quả cuối cùng sẽ là một tầng lớp quý tộc bạo lực, hoặc một chế độ chuyên quyền bạo lực hơn.

Trong thời này, áp lực chính trị chống lại Ngân hàng ngày càng gia tăng. Những người phản đối cơ chế ngân hàng trung ương đã tận dụng điều này để thức tỉnh công chúng Mỹ. Không may thay, bức tranh toàn cảnh vẫn đề không dễ chịu như vậy. Sự thật là Đảng Cộng hòa theo Jefferson đã kiên quyết chống lại những người muốn khai sinh nên con quái vật này, và ảnh hưởng của họ là đáng kể. Nhưng có một nhóm khác tham gia cùng họ nhưng tư tưởng và mục tiêu gần như hoàn toàn trái ngược. Người của phái Jefferson phản đối Ngân hàng bởi vì họ tin rằng đó là vi hiến và họ muốn có một hệ thống tiền tệ chỉ trên nền tảng vàng và bạc. Nhóm còn lại bao gồm các “*nhà ngân hàng hoang dã*”, các nhà đầu cơ đất đai, và các nhà tài phiệt công nghiệp xây dựng. Họ phản đối Ngân hàng trung ương bởi vì họ muốn có một hệ thống tiền tệ không có hạn chế nào cả, kể cả những hạn chế liên quan đến hệ thống dự trữ theo tỉ lệ. Họ muốn tất cả các ngân hàng địa phương được tự do tạo ra càng nhiều tiền giấy càng tốt, đáp ứng nhu cầu của người dân, bởi sau đó họ sẽ dùng số tiền đó cho các dự án và kiếm lời. Trên thực tế, chính trị đã tạo nên những kẻ đồng sang dị mộng kỳ lạ.

Càng đến gần ngày gia hạn thời gian hoạt động của Ngân hàng, các chiến tuyến càng tiến sát về phía nhau. Họ có sức mạnh ngang ngửa. Các phòng họp Quốc hội rúng động bởi các cuộc tranh luận gay gắt. Một lần nữa quốc hội rơi vào bế tắc, khi số phiếu thuận và phiếu chống bằng nhau. Một cuộc tấn công sẽ được tiếp nối bởi một cuộc phản công khác. Lại bế tắc. Trận chiến kéo dài đến đêm.

Khi khói tàn của cuộc chiến tan đi, dự luật gia hạn đã bị đánh bại bởi một phiếu chống của Hạ viện và một phiếu chống của Thượng viện, của Phó Tổng thống George Clinton. Và vì vậy, Ngân hàng Hoa Kỳ đã đóng cửa vào ngày 24/ 1/ 1811.

Trận đánh đã phân thắng bại, nhưng cuộc chiến vẫn tiếp tục. Kẻ thua cuộc, cay đắng với thất bại, đã tập hợp lại lực lượng và chuẩn bị cho cuộc đối đầu tiếp theo. Thật không may, những sự kiện sau đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho kế hoạch của họ.

Sự điều tiết của Ngân hàng trung ương không còn, hệ thống ngân hàng của quốc gia hoàn toàn trong tay của các tập đoàn được nhà nước cấp phép, nhiều trong số đó mang đậm tính tự phát. Số lượng của các ngân hàng và tiền được tạo ra tăng lên nhanh chóng. Lạm phát cũng kéo theo sau sự tăng trưởng này. Sự bất mãn của công chúng bắt đầu gia tăng.

Nếu thị trường hoạt động tự do, sự cạnh tranh sẽ sớm đã loại bỏ được các ngân hàng tự phát này và khôi phục sự cân bằng cho hệ thống, nhưng điều này đã không xảy ra. Cuộc chiến 1812 đã giải quyết vấn đề.

## **Cuộc chiến tranh năm 1812**

Đây là một trong những cuộc chiến tranh vô nghĩa nhất trong lịch sử. Nguyên nhân chính, như ta biết, là Anh ép lực lượng hải quân Mỹ ra khơi để hỗ trợ họ trong cuộc chiến chống lại Pháp. Người Pháp cũng làm điều tương tự để chống lại Anh, nhưng họ không thành công. Quan trọng hơn, người Anh đã hủy bỏ chính sách này trước cả khi chiến tranh bắt đầu, nghĩa là nguyên nhân của chiến tranh đã được gỡ bỏ, và hòa bình có thể được phục hồi trong danh dự nếu Quốc hội muốn. Người ta có thể kết luận rằng các nhóm lợi ích ủng hộ ngành ngân hàng Hoa Kỳ thực sự muốn xung đột vì lợi nhuận có thể được sinh ra từ đó. Bằng cứ cho điều này là các tiểu bang khu vực New England nơi có các binh sĩ hải quân bị ép tham chiến đã kiên định phản đối chiến tranh, trong khi các tiểu bang ở phía Tây và các bang miền Nam, cái nôi của vô số các "ngân hàng hoang dã", đã nhiệt liệt ủng hộ cho một cuộc đụng độ quân sự.

Thông thường, chiến tranh không được dân thường hưởng ứng, và rõ ràng Quốc hội không thể tăng thuế để mua vũ khí. Vì vậy, chính phủ cần các ngân hàng tiểu bang tạo ra tiền bên ngoài cơ cấu thuế, và tìm cách giải cứu chúng để chúng không bị các nguyên tắc của thị trường tự do trừng phạt. Đó là một trường hợp điển hình của liên minh xấu xa, những âm mưu luôn luôn phát triển giữa các chính khách và chuyên gia tiền tệ.

Các ngân hàng bang ngay lập tức đã tạo đủ tiền cho chính phủ liên bang để tăng nợ từ \$45 triệu lên \$127 triệu, một số tiền đáng kinh ngạc cho các quốc gia còn non trẻ. Tăng gấp ba lần lượng cung tiền nhưng không có sự gia tăng đáng kể trong hàng hoá, nghĩa là giá trị của đồng đô la giảm xuống khoảng một phần ba sức mua trước đây của nó. Cho tới năm 1814, khi người gửi tiền bắt đầu tỉnh táo với trò lừa đảo và đòi vàng của họ thay vì giấy, các ngân hàng đóng cửa và đã phải thuê thêm vệ sĩ để bảo vệ nhân viên khỏi đám đông giận dữ. Một lần nữa, các

chính khách và chuyên gia tiền tệ đã thành công trong việc cướp của công chúng Mỹ khoảng 66% số tiền họ kiếm được trong thời gian đó, và đó ngoài số 42% họ bị Ngân hàng Hoa Kỳ cướp một vài năm trước đó.

## **Giấc mộng ngân hàng và những trò ảo thuật**

Thomas Jefferson, cựu tổng thống Hoa Kỳ, trong suốt quãng thời gian đó vẫn luôn chống lại cơn bão tiền giấy. Cố gắng thức tỉnh quốc gia, ông không bao giờ ngừng lên tiếng chống lại các khoản tiền và các khoản nợ gian dối:

Mặc dù tất cả các quốc gia châu Âu đã cố gắng và dùng mọi con đường vũ lực và mù quáng trong một cuộc tìm kiếm vô vọng để đạt được cùng một mục đích, nhưng chúng ta vẫn hy vọng tìm ra các trò ảo thuật và những giấc ngân hàng để tạo ra số tiền đó từ hư không, và đủ lượng để đáp ứng các chi phí của chiến tranh....

Việc chấp nhận các ngân phiếu ngân hàng đã khiến Mỹ tốn thêm một nửa chi phí chiến tranh, hay nói cách khác, tăng gấp đôi chi phí của mỗi cuộc chiến. ...

Do đó, cuộc khủng hoảng do sự lạm dụng ngân hàng đã tới. Các ngân hàng đã tự tuyên án tử hình cho mình. Người dân nắm trong tay khoảng hai đến ba trăm triệu đô la ngân phiếu, được in để phục vụ sản xuất hữu hình và mua bán bất động sản, và họ (các ngân hàng) chính thức tuyên bố rằng họ sẽ không trả lại cho họ (bằng kim bản - NHĐ)... Các ngân phiếu được nhận trên cơ sở rằng đó là tiền (tiền vàng), và những sự việc này sẽ khai sáng những kẻ cả tin và ngốc nghếch về sự nguy hiểm của việc từ bỏ một công cụ hợp lý để dành chỗ cho sự tham lam của những kẻ lừa đảo....

Nhưng một lần nữa, Quốc hội vẫn không lắng nghe.

## **Tóm lược**

Mỹ có ngân hàng trung ương đầu tiên trước khi Hiến pháp được soạn thảo. Được Quốc hội liên bang cho phép hoạt động vào năm 1781, dưới tên Ngân hàng Bắc Mỹ. Hoạt động theo mô hình của Ngân hàng Anh, nó đã được ủy quyền phát hành nhiều ngân phiếu hơn số lượng tiền gửi. Ban đầu, các ngân phiếu đã được lưu hành rộng rãi và đóng vai trò một loại tiền tệ quốc gia. Mặc dù ngân hàng cơ bản là một tổ chức tư nhân, nó được lập ra với mục đích tạo tiền để cho Chính phủ liên bang vay, và đã làm vậy từ khi đi vào hoạt động.

Ngân hàng Bắc Mỹ đầy rẫy gian lận, và nó nhanh chóng bị tẩy chay về mặt chính trị. Các ngân phiếu bị mất giá và cuối cùng đã bị dân thường từ chối và

không còn lưu hành trên thị trường. Khi giấy phép hết hạn vào năm 1783, nó được chuyển đổi thành một ngân hàng thương mại thuần túy được tiểu bang Pennsylvania cấp phép.

Những người ủng hộ tiền pháp định không bỏ cuộc. Năm 1791, Ngân hàng Đệ nhất Hoa Kỳ (ngân hàng trung ương *thứ hai* của Mỹ) được Quốc hội lập ra. Ngân hàng mới là một bản sao toàn diện của ngân hàng trước đó, trong đó bao gồm cả sự gian lận. Các nhà đầu tư tư nhân trong ngân hàng là những người giàu có và có ảnh hưởng nhất Hoa Kỳ, bao gồm cả một số hạ nghị sĩ và thượng nghị sĩ. Nhưng vốn đầu tư lớn nhất và nguồn ảnh hưởng mạnh nhất đối với Ngân hàng mới lại đến đến từ gia tộc Rothschild ở châu Âu.

Ngân hàng ngay lập tức đã thực hiện chức năng của nó là tạo ra tiền cho chính phủ. Điều này dẫn đến lạm phát lớn, cung tiền và giá cả tăng cao. Trong năm năm đầu tiên, 42% của giá trị người dân tích lũy được đã bị tịch thu bằng thứ thuế ẩn, lạm phát. Đây là cũng chính là nguyên nhân làm tụt hậu các nước thuộc địa hai thập niên trước đó, tuy nhiên thay vì bị gây ra bởi tiền in ẩn, lúc này nó được thúc đẩy bởi các ngân phiếu theo tỉ lệ dự trữ của ngân hàng trung ương.

Khi thời điểm gia hạn điều lệ của Ngân hàng đến gần, hai nhóm với hai ý đồ trái ngược lại trở thành đồng minh chính trị chống lại dự thảo gia hạn: Jefferson người muốn tiền thực sự, và các "ngân hàng hoang dã" ở các khu vực xa xôi, được gọi là *wildcatters*, muốn giấy phép không bị giới hạn để ăn cắp của người dân. Ngày 24/1/1811 Điều lệ đã bị đánh bại bởi một phiếu của Thượng viện và một phiếu của Hạ viện. Ngân hàng trung ương không còn, nhưng các "ngân hàng hoang dã" lại ở khắp mọi nơi.

Chiến tranh năm 1812 không được công chúng Mỹ ủng hộ, và thuế không thể gánh nổi chi phí chiến tranh. Để có tiền chi phí cho cuộc chiến Chính phủ đã chọn cách khuyến khích các ngân hàng mua trái phiếu chiến tranh và chuyển đổi chúng thành ngân phiếu sau đó, thứ được chính phủ sử dụng để mua sắm vật liệu chiến tranh. Trong hai năm, cung tiền và theo đó là giá cả ở Hoa Kỳ đã tăng gấp ba lần. Một lần nữa, các chính khách và chuyên gia tiền tệ đã thành công trong việc cướp đi của công chúng Mỹ khoảng 66% số tiền họ làm ra trong thời gian đó. Và đó là bên ngoài số 42% đã bị Ngân hàng Hoa Kỳ cướp đi một vài năm trước đó.



---

## GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

---

### Mục đích

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com)

---